

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và ông Vũ Đăng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn DX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn DX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: bà Vũ Thị L1, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Địa chỉ Thôn DX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Bà Vũ Thị C, sinh năm 1962. (Vắng mặt).

Địa chỉ Thôn DX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H có quan hệ vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã lâu nguyên nhân xuất phát từ anh H thường xuyên đi chơi cờ bạc, chị góp ý nhiều nhưng anh H

không thay đổi. Anh H còn hay rượu chè, say xỉn, không quan tâm đóng góp tiền vào kinh tế chung gia đình. Vì lẽ đó vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí còn xô xát. Ngoài ra, anh H còn không thoải mái khi thấy chị có mối quan hệ với những bạn đồng nghiệp là nam giới tại công ty nơi chị làm việc, mặc dù đó chỉ là quan hệ xã giao thông thường, khiến chị cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng thêm căng thẳng. Vợ chồng chị đã hai lần được đoàn thể hòa giải. Chị đã nghe theo lời khuyên giải và tạo điều kiện về thời gian để xem anh H có thay đổi gì không, nhưng anh H vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Từ tháng 10/2018 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân. Chị cho rằng, trong suốt quá trình chung sống với anh H chị luôn cảm thấy thiếu thốn đủ mọi mặt, từ kinh tế đến sự quan tâm chăm sóc về tình cảm, sự tôn trọng mà anh H dành cho chị. Chỉ vì còn thương con cái còn nhỏ, chị đã cố gắng chung sống để nuôi con, nhưng càng ngày chị càng cảm thấy cuộc sống chung bế tắc không thể tiếp tục kéo dài được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 3 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 09/8/2001; Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 04/11/2005; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 11/6/2014. Tại phiên tòa chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị Phương A, để anh H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn L cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: chị xác định tự giải quyết, không yêu cầu tòa án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị T đã nộp cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con chung, bảng lương của chị có xác nhận của công ty nơi làm việc, lời khai của người làm chứng là bà Vũ Thị C, sinh năm 1962, địa chỉ tại thôn DX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày trong bản tự khai, phiên hòa giải:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T có quan hệ vợ chồng. Anh xác định từ trước khi chị T chưa đi làm ở công ty mà anh và chị còn cùng nhau đi làm thì vợ chồng cũng đã xảy ra mâu thuẫn song đã được khắc phục. Kể từ khi chị T đi làm công nhân từ tháng 8/2016 thì chị T bắt đầu có sự so sánh về cuộc sống gia đình mình với gia đình người khác và đổ dồn hết lỗi cho anh là không mang lại hạnh phúc cho chị T. Tuy nhiên, anh không phải là người lười, mà lao động quanh năm ngày tháng nhưng một phần do anh sức khỏe yếu, phần khác là do công việc làm xây dựng có nhiều khó khăn, nên thu nhập thấp không có nhiều tiền đóng góp vào gia đình cùng chị T. Việc chị T không thông cảm cho khó khăn của anh thì anh không biết làm thế nào. Còn việc anh đi chơi bởi là có, nhưng đó là vì có những lúc bệnh tật của nam giới không khắc phục được khiến anh chán nản, bi quan, không làm chủ được bản thân sa vào chơi bởi, rượu chè. Gần đây, anh có uống rượu và đuổi chị T đi, sau đó nhận thức được sai lầm của mình, xin chị T bỏ qua nhưng đến nay chị T vẫn không đồng ý, không tha thứ. Còn về việc chị T cho rằng, anh không thích việc chị có bạn bè nam giới thì anh giải thích là anh có nghe dư luận từ người địa phương nói những lời không hay nên anh có nói với chị T là chỉ

nên chơi với bạn gái để tránh phức tạp. Anh cho rằng cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn không phải hoàn toàn do lỗi của anh. Chị T xin ly hôn, anh không đồng ý vì lý do con còn nhỏ và anh đề nghị Tòa án hòa giải để cho anh chị đoàn tụ.

Về con chung: Mặc dù không nhất trí ly hôn nhưng được tòa án giải thích rõ, trong trường hợp có đủ chứng cứ xác định đủ điều kiện giải quyết cho vợ chồng ly hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, thì Tòa án vẫn có thể giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Trong trường hợp này, nguyện vọng của anh là được nuôi dưỡng cả 3 con chung cho đến khi các con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mặc dù đã được Tòa án giải thích trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: anh H không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, 02 con chung trên 07 tuổi của anh chị là cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 09/8/2001; Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 04/11/2005 đều trình bày nguyện vọng được ở với chị T, nếu chị và anh H ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị T và anh H tại địa phương, được chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh H trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, đã được địa phương hòa giải 2 lần, vợ chồng quay về chung sống nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, chị T lại làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét. Về con chung của anh chị được anh chị chăm sóc, cho ăn học đầy đủ, các cháu đều khỏe mạnh, bình thường. Anh H làm nghề thợ xây, còn chị T là công nhân, thu nhập anh chị thuộc mức trung bình của địa phương.

Tòa án cũng đã lấy lời khai của mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1944, trú tại: Thôn B, xã NQ, huyện BG, nhưng bà H1 cho biết, bà không nắm được việc vợ chồng anh H có mâu thuẫn như thế nào vì anh H đã sang thôn DX, xã NQ sống từ nhiều năm nay.

Tòa án lấy lời khai của người làm chứng là bà Vũ Thị L1 (sinh năm 1968, địa chỉ Thôn DX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương), có quan hệ là mẹ của chị Vũ Thị T và sống cùng làng với chị T, anh H. Bà L1 khai: Vợ chồng anh H, chị T mâu thuẫn là sự thật. Bản thân bà cũng đã khuyên giải vợ chồng để khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành, vợ chồng hiện tại đã sống ly thân.

Theo lời trình bày của bà Vũ Thị C tại văn bản bà C viết do chị T cung cấp: Bà C là gị ruột của chị T. Hiện tại bà C đang cho chị T và 3 con chung sống nhờ nhà (ở thôn DX) của con trai bà C đang đi nước ngoài.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, tổ chức phiên tòa giải, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T. Xử cho chị T ly hôn anh H.

- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Phương A và Nguyễn Thị Phương T ; Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn L (hiện 3 con đang sống cùng chị T) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh H không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị vũ Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn H được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, nên tòa án căn cứ vào điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, nên anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H rượu chè, chơi bời không quan tâm đến kinh tế gia đình; ngoài ra theo anh H trình bày anh có bệnh nam giới nhưng vợ chồng lại không có sự hiểu biết lẫn nhau và thiếu sự khéo léo, cảm thông, chia sẻ để cùng nhau tìm cách quyết. Trước mâu thuẫn như vậy, thay vì quyết tâm giải quyết, thì vợ chồng lại có đổ lỗi cho nhau là nguyên nhân gây nên cuộc sống khó khăn, không hạnh phúc, về phần anh H tiếp tục tìm đến rượu chè để giải tỏa căng thẳng. Mặc dù gia đình, địa phương, Tòa án đã hòa giải nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn và anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Anh H không đồng ý ly hôn, nhưng lý do anh đưa ra là vì con còn nhỏ, chứ không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 3 con chung là Nguyễn Văn L, sinh năm ngày 09/8/2001; Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 04/11/2005; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 11/6/2014.

Mặc dù cháu L có nguyện vọng ở với chị T, nhưng xét thấy việc quyết định giao cho cho chị T, anh H trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con chung, hài hòa lợi ích của chị T, anh H nên đối với chị T có công ăn việc làm, thu nhập, nơi ở ổn định, cần giao 02 con chung Nguyễn Thị Phương A và con

Nguyễn Thị Phương T là 2 con còn nhỏ tuổi cho chị nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn Văn L mặc dù có nguyện vọng ở với mẹ, nhưng cháu đã gần đủ 18 tuổi nên có thể giao cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Cả chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu cả tiền án phí ly hôn 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về việc nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 04/11/2005 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 11/6/2014; Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn L, sinh năm ngày 09/8/2001 (hiện 3 con đang sống cùng chị T) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh H không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên lai thu số AA/2017/0005322 ngày 26/3/2019. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã NQ, huyện Bình Giang;
- (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Văn Cường

